

Số: 2070/QĐ-UBND

Than Uyên, ngày 08 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia
công cộng thực hiện dự án: Chính trang đô thị khu 5a-7b
thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc thi hành Luật đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của UBND huyện Than Uyên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Chính trang đô thị khu 5a-7b thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 04 dự án huyện Tam Đường và 08 dự án trên địa bàn huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn huyện Than Uyên;

Căn cứ thông báo số 480/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 của UBND huyện Than Uyên về việc thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Chính trang đô thị khu 5a-7b thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Căn cứ thông báo số 655/QĐ-UBND ngày 5/6/2018 của UBND huyện Than Uyên về việc thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Chính trang đô thị khu 5a-7b thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Than Uyên tại Tờ trình số 73/TTr-TNMT ngày 05/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Chính trang đô thị khu 5a-7b thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên cụ thể như sau:

- Tổng diện tích thu hồi:	7.515,8 m²
+ Đất ở tại đô thị:	268,9 m ²
+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1.184,1 m ²
+ Đất nuôi trồng thủy sản	106,6 m ²
+ Đất rừng sản xuất	5.956,2 m ²

(Có danh sách thu hồi đính kèm)

Điều 2: Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Than Uyên có trách nhiệm phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Than Uyên trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao Quyết định này đến các hộ có đất nằm trong phạm vi GPMB; trường hợp các hộ có đất nằm trong phạm vi GPMB không nhận Quyết định hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, niêm yết Quyết định tại trụ sở UBND thị trấn Than Uyên, tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Than Uyên có trách nhiệm thực hiện công tác GPMB theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014, các văn bản hướng dẫn thi hành và các Quyết định hiện hành của UBND tỉnh Lai Châu và quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi theo quy định. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện chịu trách nhiệm toàn bộ số liệu đo đạc, kiểm đếm của các hộ gia đình, cá nhân có đất nằm trong phạm vi GPMB xây dựng công trình, chủ trì phối hợp với UBND thị trấn Than Uyên thu các giấy tờ gốc liên quan (nếu có) đến quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân khi chi trả tiền bồi thường và chuyển cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất để chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (nếu có) đối với các hộ có đất nằm trong phạm vi GPMB.

3. Văn phòng HĐND-UBND huyện Than Uyên có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện Than Uyên; Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện; Chủ tịch UBND thị trấn Than Uyên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Như Điều 3;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TNMT, Thanh tra huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Thế Mẫn



**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG CỘNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN: CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ KHU 5A-7B, THỊ TRẤN THAN UYÊN, HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Than Uyên)

TT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích thu hồi	Chia ra các loại đất thu hồi (m ²)						Ghi chú	
						Đất ở tại đô thị (ODT)			Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất rừng sản xuất (RSX)		
						VT1	VT2	VT3	VT1	VT1	VT1		
1	2	3	4	5	6	8	9	10	7	12	11	13	
1	Kiều Văn Tèo	Khu 11	33	163	347.4	50.0				297.4			
2	Nguyễn Thị Thệ	Khu 11	33	162	1,534.3							1,534.3	
3	Đặng Đình Định	Khu 7b	33	168	4.0					4.0			
4	Đỗ Văn Sinh	Khu 7b	33	156	143.4					143.4			
		Khu 7b	33	160	2,848.4							2,848.4	
5	Chu Thị Phương	Khu 7b	33	167	9.2					9.2			
6	Chu Văn Phong	Khu 7b	33	154	304.1		72.6	71.5		160.0			
		Khu 7b	33	151	106.6						106.6		
7	Lương Văn Nhật	Khu 7b	33	170	1.1					1.1			
8	Nguyễn Văn Thê (Nguyễn Thị Thoa)	Khu 7b	33	159	316.9							316.9	
		Khu 7b	33	161	1,067.6							1,067.6	
9	Nguyễn Văn Lãm	Khu 7b	33	153	54.3	49.2	5.1						
10	Trần Thị Toan	Khu 7b	33	157	93.1		8.2	12.3		72.6			
		Khu 7b	33	158	481.7					481.7			
		Khu 7b	33	169	189.0							189.0	
11	Lều Công Văn	Khu 7b	33	150	14.7					14.7			
Tổng cộng					7,515.8	99.2	85.9	83.8	1,184.1	106.6	5,956.2		

